

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – HÀ NỘI**

Bản án số: 191/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 07- 04 - 2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Trường

Ông Bùi Văn Độ

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Văn Dũng – Thư ký **Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Hà Nội.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh D-** Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2026/QĐST- HNGĐ ngày 20/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đàm Thị H**, sinh năm 1997; căn cước công dân số 001197018591.

Hộ khẩu thường trú: **Số nhà D, xóm D, thôn Đ, xã A, thành phố Hà Nội.**

Chỗ ở hiện nay: **Thôn B - T, xã Đ, thành phố Hà Nội;** có mặt.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn L**, sinh năm 1993; số định danh cá nhân 001093001836.

Hộ khẩu thường trú: **Số nhà D, xóm D, thôn Đ, xã A, thành phố Hà Nội;** vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị **Đàm Thị H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Phạm Văn L** kết hôn năm 2021 tại **UBND xã A, huyện H (nay là xã A), thành phố Hà Nội** trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn, chị và anh **L** được tự do tìm hiểu nhau khoảng 03 tháng. Sau

khi kết hôn, chị về chung sống cùng anh L tại gia đình mẹ anh L. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài tháng sau ngày cưới thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L mãi chơi, nợ nần, thường xuyên có lời lẽ xúc phạm chị, không quan tâm đến chị và gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, ngày càng căng thẳng. Tháng 04/2025, chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ của chị ở xã Đ, thành phố Hà Nội sinh sống đến nay; còn anh L đi làm và ở nhiều nơi khác nhau. Vợ chồng chị chính thức sống ly thân nhau kể từ tháng 4/2025 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Tuệ N, sinh ngày 07/7/2022. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay thì cháu N ở cùng chị tại nhà của bố mẹ đẻ chị. Quá trình chị nuôi dưỡng cháu N thì anh L điện thoại chỉ để gặp cháu N nhưng chưa hề cấp dưỡng nuôi cháu N. Ly hôn chị xin nuôi cháu N và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện tại chị làm nghề Spa thu nhập bình quân 15.000.000 đồng/tháng được bố mẹ đẻ hỗ trợ về chỗ ở và chăm sóc con. Anh L làm nghề cắt tóc thuê thu nhập khoảng 12-13 triệu/tháng, anh L không thường xuyên ở nhà, mặt khác anh L đang nuôi dưỡng con gái riêng của anh L.

Về phần tài sản chung, nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai cũng như không cho ai vay nợ.

Về công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng: Không có.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh L theo địa chỉ đơn khởi kiện nhưng anh L đều không đến Tòa án làm việc và không có lý do. Do vậy, Tòa án không lấy được lời khai cũng như tiến hành các thủ tục tố tụng với anh L.

Tại phiên tòa:

Chị H trình bày: Chị và anh L chung sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2024, chị gửi đơn xin ly hôn anh L nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng kể từ đó đến nay tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cương quyết xin ly hôn anh L, giữ nguyên quan điểm về việc nuôi con và phần tài sản chung, nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Hà Nội tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, thu thập chứng cứ, tài liệu, thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng theo trình tự Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn giữa chị **Đàm Thị H** và anh **Phạm Văn L** đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị **Đàm Thị H** được ly hôn anh **Phạm Văn L**. Chị **H** và anh **L** có 01 con chung là: **Phạm Tuệ N**, sinh ngày 07/7/2022. Giao cháu **Phạm Tuệ N** cho chị **Đàm Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **N** cho anh **L** đến khi chị **H** có yêu cầu hoặc khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chị **H** xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ và công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Chị **H** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật. Chị **H** và anh **L** có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị **Đàm Thị H** khởi kiện xin ly hôn anh **Phạm Văn L** có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại: **Thôn Đ, xã A, thành phố Hà Nội**. Tòa án thụ lý vụ án, xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện anh **L** đăng ký hộ khẩu thường trú, sinh sống tại địa chỉ chị **H** khởi kiện; anh **L** chưa đăng ký tạm trú ở địa chỉ nào khác và không thuộc đối tượng chấp hành án. Theo quy định của pháp luật thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Hà Nội theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh **L** đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh **L** đều vắng mặt. Do vậy, Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt anh **L** là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207, Điều 208, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị **H** xin được ly hôn với anh **L**.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị **H**, anh **L** đăng ký kết hôn vào năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã **A**, huyện **H** (nay là xã **A**), thành phố **Hà Nội** trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị **H** và anh **L** phát sinh mâu thuẫn nên chị **H** đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị **H** ở xã **Đ** sinh sống từ tháng 4/2025. Nguyên nhân: Theo chị **H** do anh **L** mãi chơi, không quan tâm đến chị và gia đình, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hoà giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện; mặt khác, chị **H** cung cấp các tin nhắn thoại giữa chị **H** và anh **L** thể hiện rõ sự mâu thuẫn trong trao đổi thông tin vợ chồng. Chị **H** và anh **L** sống ly thân nhau từ tháng 4/2025 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị **H** và anh **L** đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **H**, xử cho chị **Đàm Thị H** được ly hôn anh **Phạm Văn L** là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Xét yêu cầu của chị **H** xin được nuôi cháu **Phạm Tuệ N**, không yêu cầu anh **L** cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị **H** và anh **L** có 01 con chung là cháu **Phạm Tuệ N**, sinh ngày 07/7/2022. Cháu **N** đang sinh sống cùng chị **H** kể từ khi chị **H** chuyển về nhà bố mẹ đẻ đến nay. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, cũng như sự phát triển về giới tính, Hội đồng xét xử giao chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **N** là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị **H** không yêu cầu anh **L** cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của chị **H** là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ và công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng: Chị **H** xác định không có nên Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị **Đàm Thị H** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Đàm Thị H**. Cho chị **Đàm Thị H** được ly hôn anh **Phạm Văn L**.

2. Về con chung: Chị **Đàm Thị H** và anh **Phạm Văn L** có 01 con chung là cháu **Phạm Tuệ N**, sinh ngày 07/7/2022. Giao cháu **Phạm Tuệ N** cho chị **H** nuôi dưỡng đến khi cháu **N** đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Chị **H** không yêu cầu anh **L** cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh **L** đến khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Anh **L** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ và công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng: Không xem xét giải quyết.

4. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị **Đàm Thị H** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm

ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0011848 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

5. Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị **Đàm Thị H** có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh **Phạm Văn L** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND Khu vực 8 – Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- UBND xã An Khánh, TP. Hà Nội
(Giấy CNKH số 87 ngày 02/12/2021
tại UBND xã An Thượng);
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thu

